TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2023/HC-PT
Ngày: 20/4/2023
V/v "*Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Công Thi**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Long**

Bà **Trần Thị Kim Liên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Chiến** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 252/2022/TLPT-HC ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc *"Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính"*.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 15/2022/HC-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1055/2023/QĐPT-HC ngày 27 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Lê Thị Kim L. Địa chỉ: phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc P – Phó Chủ tịch.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Địa chỉ: Thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Quốc T - Phó Chủ tịch.

+ Ông Cao Tiến Đ. Địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người kháng cáo: bà Lê Thị Kim L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, người khởi kiện là bà Lê Thị Kim L trình bày:

Năm 1989, gia đình bà Lê Thị Kim L được Ủy ban nhân dân xã I, huyện C (nay là huyện Đ), tỉnh Gia Lai cấp một lô đất tại ngã 3 đường Q giao nhau với đường K, đất có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Trần Đình K (hiện nay đã chuyển nhượng cho ông T) dài gần 28m; phía Tây giáp đường vào làng Đ (nay là đường K) dài gần 28m; phía Nam giáp ông Lê Công H (nay là nhà ông Hồ Hữu H) dài 17,5m; phía B giáp Quốc lộ 19 (nay là đường Q) dài 17,7m.

Đến năm 1992, gia đình bà chuyển nhượng một phần đất cho ông Nguyễn Xuân B có diện tích 198,6m^2, tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Trần Đình K (hiện nay đã chuyển nhượng cho ông T) dài 28m; Phía Tây giáp đất của gia đình bà dài 28m; Phía Nam giáp ông Lê Công H (nay là nhà ông Hồ Hữu H) dài 7,9m; Phía B giáp Quốc lộ 19 (nay là đường Q) dài 5,01m. Diện tích đất còn lại vợ chồng ông bà đã sinh sống ổn định từ năm 1989 cho đến ngày 05/12/2001. Đất chưa được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2001, vì căn nhà xuống cấp nên vợ chồng ông bà đến Ủy ban nhân dân thị trấn C xin cấp Giấy phép xây dựng để làm nhà thì Ủy ban nhân dân thị trấn C trả lời là đất đã nằm trong quy hoạch mở rộng chỉ giới xây dựng đường K và đường B nối dài cho những năm về sau theo Quyết định số 250-QĐ/UB ngày 20/6/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai nên không làm giấy phép xây dựng được. Ủy ban nhân dân thị trấn C đo đạc thì lô đất của gia đình bà nằm trong chỉ giới đường là 12,5 m tính từ tim đường. Ngày 26/12/2002, các ban ngành và phòng đăng ký đất đai của huyện đo đạc thì trong biên bản đo đạc đất của gia đình bà nằm trong quy hoạch là 6x20m=120m^2, đất còn lại sau khi thu hồi của gia đình bà và chưa được bồi thường là 91,4 m^2 (theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 08/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai).

Đối với phần đất chưa được bồi thường này, gia đình bà L tiếp tục xin giấy phép xây dựng thì Ủy ban nhân dân huyện Đ có trả lời bằng Công văn số 70/CV-UB ngày 05/3/2003 yêu cầu Phòng Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân thị trấn C cấp lại cho gia đình bà một lô đất khác vì diện tích quá nhỏ không đảm bảo xây dựng. Ngày 29/10/2003, Phòng Tài nguyên và Môi trường có mời chồng bà Lê Thị Kim L là ông Cao Tiến Đ đến Phòng Địa chính để bàn bạc thu hồi và di dời nhà trên diện tích đất thu hồi 120m^2 kia vì đất của gia đình bà là lô đất 1A, nhưng Ủy ban nhân dân huyện lại cấp cho gia đình bà 01 lô đất

nằm tại lô 2 đường B. Trong biên bản làm việc ngày 29/10/2003, ông Đ có nêu ý kiến xin không thu tiền quyền sử dụng đất vì lô đất bị thu hồi lớn hơn lô đất được đền bù. Phòng Địa chính lúc bấy giờ làm việc với gia đình bà hoàn toàn không đề cập đến Công văn số 70/CV-UB nhưng lại áp dụng Công văn số này vào lô đất bị thu hồi 120m^2 kia là sai, thực tế gia đình bà không nhận được các quyết định thu hồi đất của phần diện tích đất còn lại.

Cuối năm 2018, gia đình bà có đề nghị cấp giấy phép xây dựng đối với diện tích đất còn lại nhưng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện đã trả lời bằng miệng là đất đã bị thu hồi hết. Bà khiếu nại lên Ủy ban nhân dân huyện Đ xem xét và trả lại cho gia đình bà diện tích đất còn lại. Ngày 20/8/2019, Ủy ban nhân dân huyện Đ ra Thông báo số 40/TB-UBND thông báo về việc đủ điều kiện thụ lý hồ sơ. Ngày 02/10/2019, bà được các Ban ngành của huyện tổ chức đối thoại, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1918/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 nhưng bà không đồng ý và khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai. Sau đó, bà được Thanh tra tỉnh thông báo đối thoại với các Ban ngành của Thanh tra tỉnh và cán bộ huyện Đ. Kết quả đối thoại đã yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Đ hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1918. Ngày 10/7/2020, bà nhận được Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 10/7/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc thu hồi Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị Kim L (Lần đầu). Ngày 23/10/2020, bà lại được đối thoại với Ủy ban nhân dân huyện và các Ban ngành chuyên môn. Bà nhận được thông báo số 46/TB-UBND ngày 27/10/2020 trả lời là không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại vì hết thời hạn. Từ năm 2003 đến nay, phần đất còn lại này của gia đình bà không xâm phạm hành lang an toàn giao thông, đủ điều kiện được bồi thường từ tim đường Q đến ranh giới đất hiện giờ vẫn còn nguyên hiện trạng nên bà không đồng ý với Thông báo số 46/TB-UBND của Ủy ban nhân dân huyện Đ. Bà đã khiếu nại lên Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai và được Thanh tra tỉnh hướng dẫn cho bà làm đơn yêu cầu cấp quyền sử dụng đất tại vì hiện nay lô đất của bà vẫn còn.

Ngày 15/3/2021, bà nhận được Công văn số 12/BTCD-VP gởi cho Phòng đăng ký đất đai huyện Đ đo đạc lại diện tích đất của gia đình bà. Ngày 04/5/2021, bà được Phòng đăng ký đất đai đo đạc thực địa là chiều rộng 3,2m đường Q (QL19B), chiều dài là 27,5m với tổng diện tích 85,5m^2, giáp đất ông Lê Hữu H. Như vậy chiều dài diện tích đất trong sơ đồ đo năm 2003 là 20m so với sơ đồ ngày 04/5/2021 là 27,5m, có sự sai lệch. Đất của bà không bị tranh chấp với các hộ lân cận. Phòng đăng ký đất đai có hướng dẫn nộp lên bưu điện hoặc Ủy ban nhân dân thị trấn C hẹn ngày lấy kết quả. Sau đó, Ủy ban nhân dân thị trấn C trả lời bằng Thông báo số 103/VB-UBND là đất của bà không có số tờ, số thửa. Tuy nhiên, đất của bà đã có số thửa 97, tờ bản đồ địa chính số 11 cấp

ngày 12/12/2003. Ủy ban nhân dân thị trấn C lại hướng dẫn về bưu điện nộp để chờ lấy kết quả và sau đó Ủy ban nhân dân thị trấn C vẫn tiếp tục trả lời là đất không hợp pháp.

Việc Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định hành chính số 46/TB-UBND ngày 27/10/2020 đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà nên ngày 08/02/2022, bà Lê Thị Kim L khởi kiện yêu cầu hủy Thông báo số 46/TB-UBND ngày 27/10/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Đ.

2. Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện Đ là ông Trần Ngọc Phận có văn bản trình bày:

Ngày 08/02/1989, gia đình bà L được Ủy ban nhân dân xã I, huyện C xác nhận vào đơn xin cấp đất làm nhà. Đơn xin cấp đất làm nhà đứng tên chồng của bà L là ông Cao Văn Đ (không đúng với tên đệm của ông Cao Tiến Đ); đơn có thể hiện tứ cận, nhưng không thể hiện diện tích, số mét chiều dài, chiều rộng của thửa đất. Đến năm 1992, gia đình bà L chuyển nhượng một phần diện tích đất nêu trên cho ông Nguyễn Xuân B.

Ngày 05/12/2001, gia đình ông Cao Tiến Đ làm thủ tục xin phép xây dựng nhà ở. Ủy ban nhân dân thị trấn C đã kiểm tra, đo đạc diện tích lô đất của ông Đ nhưng không đủ điều kiện cấp phép xây dựng. Ngày 10/12/2001, Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện Đ đã có văn bản đề xuất Ủy ban nhân dân huyện, Phòng địa chính xem xét thu hồi diện tích đất đang ở của ông Cao Tiến Đ do diện tích lô đất của ông Cao Tiến Đ nằm trong chỉ giới xây dựng Đường K mở rộng sau này là 12,5m tính từ tim đường; do vậy, không đủ điều kiện để cấp giấy phép xây dựng. Đồng thời đền bù một lô đất khác cho gia đình ông Đ, bà L để ổn định nơi ăn, chốn ở.

Ngày 26/12/2002, Ủy ban nhân dân thị trấn C có biên bản thẩm tra đất không có tranh chấp (dùng cho các trường hợp không có các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất khi xin phép xây dựng) thể hiện sơ đồ vị trí đất đang sử dụng của gia đình ông Cao Tiến Đ như sau: Tính từ tim đường K đến chỉ giới xây dựng 10m, đất của ông Đ còn lại 2,9 m đất mặt đường Q và phía Đông có chiều dài 20m giáp đất ông Nguyễn Xuân B là đất được xin phép xây dựng nhà ở (Biên bản có chữ ký của ông Cao Tiến Đ).

Ngày 05/3/2003, Ủy ban nhân dân huyện có Công văn số 70/CV-UB: "*Về việc xin cấp giấy phép xây dựng của ông Cao Tiến Đ*" nêu rõ: Do diện tích đề nghị cấp giấy phép xây dựng của ông Cao Tiến Đ rất hẹp không đảm bảo an toàn và quy chuẩn xây dựng, vì vậy Ủy ban nhân dân huyện không thống nhất việc cấp phép xây dựng nhà ở cho ông Đ. Giao cho Phòng Địa chính - Nhà đất, Ủy ban nhân dân thị trấn làm việc với ông Đ để thống nhất việc thu hồi lô đất ông đang sử dụng và thỏa thuận vị trí, diện tích mới để giao cho ông Đ.

Ngày 29/10/2003, Phòng Địa chính - Nhà đất đã mời ông Cao Tiến Đ đến làm việc để thỏa thuận và thống nhất thu hồi diện tích đất 120m^2 của gia đình ông và bồi thường cho gia đình ông một lô đất ở tại đường tuyến II, thị trấn C. Trong biên bản làm việc có thể hiện nội dung thông qua Công văn số 70/CV-UB của Ủy ban nhân dân huyện ngày 05/3/2003 và đã được ông Đ thống nhất ký trong biên bản. Ngày 09/3/2004, Hội đồng Bồi thường thiệt hại giải phóng mặt bằng đã có buổi làm việc với bà Lê Thị Kim L, bà L có ý kiến thống nhất theo phương án và ký tên. Tại Tờ trình số 02/TT-HĐ ngày 12/3/2004 của Hội đồng Bồi thường thiệt hại giải phóng mặt bằng "V/v xin phê duyệt phương án bồi thường thiệt hại giải phóng mặt bằng đường B (Nối dài) và đường K (Có kèm theo Phương án số 02/PA-HĐ ngày 12/3/2004, trong đó tại điểm 2, Mục II của Phương án: Có nêu rõ đối với hộ ông Cao Tiến Đ: Diện tích thu hồi 120m^2 (6m x 20m) bao gồm cả diện tích chỉ giới xây dựng đường Kvà đất đang sử dụng làm nhà ở.

Ngày 26/11/2003, Ủy ban nhân dân huyện Đ đã ra Quyết định số 1633/QĐ-UB Về việc thu hồi 120m^2 đất xây dựng nhà ở của ông Cao Tiến Đ (thực tế năm ban hành Quyết định là năm 2004, nhưng do soạn thảo bị nhầm lẫn nên ghi năm ban hành Quyết định là năm 2003). Trong Quyết định có nêu rõ nội dung sau: Thu hồi 120m^2 đất xây dựng nhà ở của ông Cao Tiến Đ, địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn C, huyện Đ. L do thu hồi: Thực hiện quy hoạch mở đường. Vị trí thu hồi: Thuộc Tổ dân phố 2, thị trấn C, huyện Đ. Giới cận lô đất thu hồi như sau: B giáp đường Q, dài 6m; Nam giáp đất ông Lê Công H, dài 6m; Đông giáp đất ông Nguyễn Xuân B, dài 20 m; Tây giáp đường K, dài 20 m (Có sơ đồ kèm theo) và trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định ông Cao Tiến Đ tự giải phóng tài sản trên đất giao lại diện tích đất thu hồi ghi tại Điều 1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn C quản lý theo quy định của pháp luật để thực hiện quy hoạch và ông Cao Tiến Đ có quyền khiếu nại quyết định này theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo.

Căn cứ vào các Quyết định quy hoạch Quyết định số: 1234/QĐ-UB ngày 13/11/1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, Quyết định số: 250/QĐ-UB ngày 16/6/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai; Quyết định số: 105/2006/QĐ-UBND ngày 08/12/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai thì từ năm 1995 đến trước ngày 08/12/2006 đường K có chỉ giới xây dựng là 10m (mỗi bên) và từ sau ngày 08/12/2006 điều chỉnh chỉ giới xây dựng là 15 m (mỗi bên). Như vậy năm 2004, gia đình bà Lê Thị Kim L nhận được Quyết định số 1633/QĐ-UB ngày 26/11/2003 của Ủy ban nhân dân huyện Đ: "Về việc thu hồi 120m đất xây dựng của ông Cao Tiến Đ", đồng thời gia đình bà đã nhận tiền bồi thường hỗ trợ, tự di rời tài sản trên đất, bàn giao lại diện tích đất thu hồi cho chính quyền địa phương quản lý và nhận đất tái định cư theo phương án bồi

thường được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt tại quyết định số 291/QĐ-UB ngày 29/3/2004.

Ngày 04/01/2019, Ủy ban nhân dân huyện Đ nhận được đơn xin giải quyết đất ở của ông Cao Tiến Đ đề ngày 03/01/2019, Ủy ban nhân dân huyện có Văn bản số 272/UBND-NC ngày 28/02/2019 về việc trả lời đơn của ông Cao Tiến Đ (nội dung trả lời: Việc ông Cao Tiến Đ đề nghị Ủy ban nhân dân huyện trả lại 3m mặt đường Q cho gia đình ông là không có cơ sở và không được pháp luật công nhận). Không thống nhất với Văn bản này, ngày 05/8/2019 bà Lê Thị Kim L (vợ của ông Cao Tiến Đ) tiếp tục có đơn khiếu nại gửi Ủy ban nhân dân huyện Đ; Ủy ban nhân dân huyện đã có Quyết định số 1387/UBND-KT ngày 20/8/2019 giao Chánh Thanh tra huyện tiến hành xác minh làm rõ nội dung đơn khiếu nại của bà L; trên cơ sở Báo cáo số 51/BC-TTr ngày 20/9/2019 của Thanh tra huyện; Ủy ban nhân dân huyện đã tổ chức đối thoại với bà Lê Thị Kim L và sau buổi đối thoại Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị Kim L (lần đầu). Nội dung Quyết định: Không công nhận nội dung khiếu nại của bà Lê Thị Kim L về việc yêu cầu trả lại khoảng 3m đất mặt đường Q, thị trấn C.

Không đồng ý với Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị Kim L (lần đầu), bà L đã có đơn khiếu nại Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai và giao Thanh tra tỉnh kiểm tra, xác minh tham mưu giải quyết. Thanh tra tỉnh sau khi kiểm tra, xác minh đã tổ chức đối thoại giữa Ủy ban nhân dân huyện Đ với bà Lê Thị Kim L theo đó Thanh tra tỉnh đã có kiến nghị giao lại cho Ủy ban nhân dân huyện Đ kiểm tra, xác minh lại một số nội dung chưa rõ. Ngày 30/6/2020 Ủy ban nhân dân huyện Đ đã có Văn bản số 1335/UBND-NC về việc kiểm tra xác minh, tham mưu giải quyết lại đơn khiếu nại bà Lê Thị Kim L (theo đó, Ủy ban nhân dân huyện Đ đã thu hồi Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 Về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị Kim L (lần đầu) và giao Thanh tra huyện phối hợp Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thị trấn C kiểm tra, xác minh lại một số kiến nghị của Thanh tra tỉnh); trên cơ sở Báo cáo số 45/BC TTr ngày 14/10/2020 của Thanh tra huyện về kết quả kiểm tra, xác minh lại đơn khiếu nại của bà Lê Thị Kim L và các báo cáo tham gia ý kiến đóng góp của Phòng Kinh tế Hạ tầng, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tư Pháp huyện, Ủy ban nhân dân thị trấn C về nội dung Báo cáo của Thanh tra huyện; Ủy ban nhân dân huyện Đ đã tổ chức đối thoại với bà Lê Thị Kim L và đã ban hành Thông báo số 46/TB-UBND ngày 27/10/2020 về việc không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị Kim L.

Việc bà Lê Thị Kim L khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Thông báo số 46/TB - UBND ngày 27/10/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Đ là không có căn cứ.

Quan điểm của Ủy ban nhân dân huyện Đ là giữ nguyên Thông báo số 46/TB-UBND ngày 27/10/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành là đúng thẩm quyền và đúng quy định của pháp luật.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị trấn C trình bày:

Ủy ban nhân dân thị trấn C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bác đơn khởi kiện của bà Lê Thị Kim L.

- Ông Cao Tiến Đ trình bày:

Ông thống nhất với nội dung và yêu cầu của bà Lê Thị Kim L trình bày.

Với những nội dung nêu trên,

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2022/HC- ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, Điều 347, Điều 348, Điều 358 của Luật tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Điều 17, Điều 18, Điều 28 của Luật Đất Đai năm 1993 (sửa đổi, bổ sung năm 1998, 2001); Điều 5, Điều 12, Điều 16, Điều 17 của Nghị định 22/1998/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 1998 của Chính phủ về đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng; Điều 62, Điều 66 của Luật Đất đai 2003.

Căn cứ Điều 9 và khoản 6 Điều 11 của Luật khiếu nại năm 2011.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là bà Lê Thị Kim L yêu cầu Tòa án tuyên hủy Thông báo số 46/TB UBND ngày 27/10/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị Kim L.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/9/2022, bà Lê Thị Kim L kháng cáo đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm, lý do kháng cáo bà L cho rằng tại phiên tòa sơ thẩm bà bị hạn chế quyền là vi phạm tố tụng và Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét

những bằng chứng do bà L đưa ra, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của bà L, yêu cầu Toà án phúc thẩm xem xét lại Bản án sơ thẩm

Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bà L có đơn yêu cầu xem xét, thẩm định lại tại thửa đất, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã có Quyết định ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai thực hiện việc ủy thác Xem xét, thẩm định tại chỗ tại thửa đất. Sau khi có kết quả ủy thác, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở lại phiên tòa phúc thẩm đối với vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà L. Giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả thực hiện ủy thác tại giai đoạn phúc thẩm, đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên toà phúc thẩm, xem xét kháng cáo của người khởi kiện xét thấy:

[1]. Xem xét nguồn gốc thửa đất, xét thấy: Năm 1989, bà L có đơn xin cấp đất, UBND xã K huyện C *(nay là huyện Đ)*, tỉnh Gia Lai đã xác nhận vào đơn, đồng ý cấp đất nhưng không có sơ đồ cụ thể về diện tích, kích thước thửa đất.

Năm 1992, bà L chuyển nhượng cho ông Nguyễn Xuân B một phần đất có diện tích 198,6 m^2, phần đất còn lại vợ chồng bà L, ông Đ tiếp tục sử dụng nhưng không đăng ký, kê khai cũng như đo đạc xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất.

Năm 2001, bà L có đơn xin cấp Giấy phép làm nhà trên phần đất còn lại do vợ chồng bà L, ông Đ sử dụng, nhưng tại vị trí thửa đất của bà L ông Đ đã được quy hoạch mở rộng đường K và đường B nên UBND thị trấn C và các cơ quan chức năng không cấp giấy phép, đồng thời trao đổi thống nhất với gia đình bà L, ông Đ về việc thu hồi đối với thửa đất của bà L, ông Đ diện tích 120 m^2(6x20), tiến hành đền bù cho bà L, ông Đ 01 lô đất tái định cư khác.

UBND huyện Đ đã có quyết định thu hồi đất số 1633/QĐ-UBND ngày 26/11/2004 *(ghi nhầm 2003)* và Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 29/3/2004 về việc phê duyệt phương án bồi thường cho gia đình ông Đ, vợ chồng ông Đ bà L đã thống nhất nhận đất, di dời tài sản nhà cửa đi nơi khác từ năm 2004.

Đến năm 2019, vợ chồng ông Đ, bà L cho rằng đất của mình sau khi thu hồi thì còn lại một số diện tích đất, tiếp giáp 3m mặt tiền đường Q nên ngày 03/01/2019, ông Đ, bà L có đơn yêu cầu giải quyết đất ở gửi UBND huyện Đ, UBND huyện Đ có Văn bản số 272/UBND-NC ngày 28/02/2019 trả lời yêu cầu

của ông Đ là không có cơ sở, vợ chồng ông Đ tiếp tục khiếu nại thì UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 15/10/2019, bà L tiếp tục khiếu nại nhưng sau đó UBND tỉnh giao cơ quan thanh tra và các cơ quan chức năng kiểm tra, làm rõ. Ngày 27/10/2020 UBND huyện Đ đã ban hành Thông báo số 46/TB-UBND *"về việc không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị Kim L*", bà L khởi kiện Thông báo 46/TB-UBND nói trên.

[2]. Xem xét việc sử dụng đất của ông Đ, bà L, xét thấy, sau khi được UBND xã K ký xác nhận chấp thuận giao đất từ năm 1989, ông Đ, bà L không đăng ký, kê khai đo đạc xác định vị trí, kích thước tứ cận của thửa đất, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Xuân B một phần diện tích là không đúng quy định của Luật đất đai năm 1987. Khi nhà nước thu hồi đất ông Đ, bà L thì có nhiều văn bản làm việc, nội dung thể hiện sự thống nhất của gia đình bà L, ông Đ về việc thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ tái định cư, sau đó, UBND huyện Đ các quyết định hành chính về thu hồi, bồi thường hỗ trợ tái định cư, gia đình bà L cũng đã chấp hành và thực hiện di dời nhà cửa, tài sản đi nơi khác, không có khiếu nại khởi kiện gì. Sau hơn 15 năm ông Đ, bà L cho rằng gia đình mình còn có một phần diện tích đất Nhà nước chưa thu hồi, tiếp giáp 3m mặt đường Q cũ nhưng không có giấy tờ, thủ tục pháp lý gì về thửa đất, diện tích đất còn lại cụ thể bao nhiêu gia đình cũng không rõ, trình bày nhiều số liệu khác nhau, trường hợp thửa đất còn một phần diện tích thì ai đang sử dụng ông Đ, bà L cùng không xác định được. Quá trình xem xét thẩm định của Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai cũng như kết quả uỷ thác của Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho Toà án nhân dân huyện Đ cũng không xác định được cụ thể phần diện tích đất của bà L, ông Đ yêu cầu. Việc UBND huyện Đ thu hồi 120m^2 đất là có cơ sở và đã sử dụng vào mục đích công cộng, trường hợp bà L, ông Đ chứng minh được diện tích đất hợp pháp của gia đình mình còn lại sau khi đã thu hồi thì có thể giải quyết bằng một quan hệ dân sự khác với người đang sử dụng, không liên quan đến Thông báo của UBND huyện Đ.

[3]. Với quá trình giải quyết như đã nêu trên, căn cứ vào các văn bản, Quyết định hành chính đã có hiệu lực pháp luật, UBND huyện Đ ban hành Thông báo số 46/TB-UBND *"Về việc không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị Kim L*" là có căn cứ.

Tại Bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim L là có căn cứ, đúng pháp luật, tại phiên toà phúc thẩm không có tình tiết gì mới, Hội đồng xét xử phúc thẩm bác toàn bộ kháng cáo của bà L, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

[4]. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm, giữ nguyên như Quyết định của Bản án sơ thẩm.

[5]. Về án phí phúc thẩm bà L phải chịu theo quy định pháp luật.

[6]. Về chi phí tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm, theo Công văn số 45/CV-TA ngày 03/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai, thì Tòa án nhân

dân huyện Đ đã chi phí xem xét, thẩm định tại số tiền 700.000 đồng. Xét thấy, việc xem xét, thẩm định tại chỗ là theo Đơn yêu cầu ngày 07/01/2023 của bà Lê Thị Kim L, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 358 Luật tố tụng hành chính năm 2015 thì bà L phải chịu khoản tiền chi phí tố tụng nêu trên, do vậy buộc bà Lê Thị Kim L phải hoàn trả lại số tiền 700.000 đồng cho Tòa án nhân dân huyện Đ.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

1/. Bác kháng cáo của bà Lê Thị Kim L, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2022/HC- ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

2/. Căn cứ các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, Điều 347, Điều 348, Điều 358 của Luật tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án; Áp dụng Điều 17, Điều 18, Điều 28 của Luật Đất Đai năm 1993 (sửa đổi, bổ sung năm 1998, 2001); Điều 5, Điều 12, Điều 16, Điều 17 của Nghị định 22/1998/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 1998 của Chính phủ về đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng; Điều 62, Điều 66 của Luật Đất đai 2003; Điều 9 và khoản 6 Điều 11 của Luật khiếu nại năm 2011.

3/. Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là bà Lê Thị Kim L yêu cầu Tòa án tuyên hủy Thông báo số 46/TB UBND ngày 27/10/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị Kim L.

4/. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm, giữ nguyên như Quyết định của Bản án sơ thẩm.

5/. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án, bà L phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã thu tại biên lai số 0000172 ngày 03/10/2022 của Cục thi thành án dân sự tỉnh Gia Lai.

6/. Về chi phí tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 358 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, buộc bà Lê Thị Kim L phải hoàn trả lại số tiền 700.000 đồng *(Bảy trăm ngàn đồng)* cho Tòa án nhân dân huyện Đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nhưng người phải thi hành án không thi hành hoặc chậm thi hành án thì còn phải chịu

lãi suất, mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Công Thi